

PHỤ LỤC 7 - QUY ĐỊNH ĐIỂM XÉT THƯỞNG PHƯƠNG THỨC 1 - NĂM 2026

Đối tượng	Điểm xét thưởng thang 100
1. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh/thành phố; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển	
01	5
02	4
03	3
2. Thí sinh có kết quả trung bình chung đánh giá mức tốt cả năm lớp 10,11,12	1
3. Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển	5
4. Thí sinh đạt giải khuyến khích cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển	5
5. Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia dự tuyển vào ngành Quản lý thể dục thể thao; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển	
Vàng	5
Bạc	4
Đồng	3
6. Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật dự tuyển vào nhóm ngành mỹ thuật ứng dụng; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển	3
7. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với nghề đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển	
01	5
02	4
03	3

Lưu ý:

- Thí sinh đoạt đồng thời nhiều thành tích ở các mục 1 và 3 chỉ được cộng điểm xét thưởng cao nhất.
- Điểm xét thưởng mục 1, 3, 4 được xét cộng cho các ngành xét tuyển theo từng môn/lĩnh vực dự thi của thí sinh quy định trong Phụ lục 8.
- Thí sinh được cộng tối đa 5,00 điểm (theo thang điểm 100).